

Số: 03 /QĐ-UBND

Phú Diễn, ngày 09 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024  
của UBND phường Phú Diễn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG PHÚ DIỄN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 ngày 10/11/2022 của Quốc Hội;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách nhà nước đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ quyết định số 4335/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND quận Bắc Từ Liêm về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế xã hội và dự toán thu chi ngân sách năm 2024 của quận Bắc Từ Liêm;*

*Theo đề nghị của Cán bộ Kế toán ngân sách phường,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của phường Phú Diễn (Theo các biểu mẫu kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng UBND phường, Công chức Tài chính - Kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- UBND quận Bắc Từ Liêm;
- Phòng Tài chính – kế hoạch quận;
- Đảng ủy phường;
- Ban ngành, đoàn thể phường;
- Các đ/c Tổ trưởng TDP;
- Lưu VP, TCKT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Ngọc Lương**

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2024**

(Kèm theo QĐ số /QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của UBND phường Phú Diễn)

| STT | NỘI DUNG                                           | DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO |
|-----|----------------------------------------------------|-------------------|
| A   | Dự toán thu ngân sách phường                       | 3.780.000.000     |
| B   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                     | 11.855.307.000    |
| I   | Nguồn ngân sách trong nước                         | 11.855.307.000    |
| 1   | Kinh phí quản lý hành chính                        | 8.028.744.000     |
|     | Quỹ tiền lương                                     | 3.687.940.000     |
|     | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   | 1.680.300.000     |
|     | Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ             | 2.660.504.000     |
|     | - KP quản lý hành chính                            | 212.516.000       |
|     | - KP hoạt động của Đảng ủy phường                  | 114.060.000       |
|     | - KP hoạt động của Mặt trận tổ quốc                | 319.900.000       |
|     | - KP hoạt động của Đoàn thanh niên                 | 101.400.000       |
|     | - KP hoạt động của Hội phụ nữ                      | 101.400.000       |
|     | - KP hoạt động của Hội Cựu chiến binh              | 101.400.000       |
|     | - KP hoạt động các tổ chức xã hội (CTĐ, NCT, TNXP) | 146.196.000       |
|     | - KP hoạt động các tổ chức xã hội khác             | 56.200.000        |
| 2   | Chi sự nghiệp y tế                                 | 80.000.000        |
| 3   | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, du lịch           | 140.000.000       |
| 4   | Chi CN thể dục thể thao                            | 36.000.000        |
| 5   | Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình               | 81.840.000        |
| 6   | Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội                       | 516.948.000       |
| 7   | Chi quốc phòng                                     | 715.615.000       |
| 8   | Chi An ninh                                        | 1.672.460.000     |
| 9   | Chi sự nghiệp kinh tế                              | 527.700.000       |
| 10  | Chi SN môi trường                                  | 16.000.000        |
| 11  | Chi khác                                           | 40.000.000        |



CÔNG KHAI VỀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

| Stt | Dự án                                                                                                                     | Tổng mức vốn ĐT được duyệt | TĐT được duyệt | Lũy kế vốn đã cấp đến hết niên độ NS năm trước | Kế hoạch vốn ĐT được giao năm 2024 | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|----------------|------------------------------------------------|------------------------------------|---------|
| 1   | 2                                                                                                                         | 3                          | 4              | 5                                              | 6                                  | 7       |
|     | Tổng số                                                                                                                   | 14.523                     | 14.523         | 0                                              | 7.500                              |         |
| I   | Vốn thiết kế quy hoạch                                                                                                    |                            |                |                                                |                                    |         |
| 1   | Dự án ...                                                                                                                 |                            |                |                                                |                                    |         |
| II  | Vốn thực hiện dự án 2024                                                                                                  | 14.523                     | 14.523         | 0                                              | 7.500                              |         |
| 1   | Cải tạo, chỉnh tyrang đường, rãnh thoát nước tổ dân phố số 3, 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 phường Phú Diễn | 14.523                     | 14.523         |                                                | 7.500                              |         |